

KNOWLEDGE OF STANDARD PRECAUTIONS AND ASSOCIATED FACTORS AMONG NURSES AT HAI PHONG PEDIATRIC HOSPITAL IN 2026

Nguyen Thi Anh Tuyet¹, Pham Thi Thu², Chu Thi Ha³, Bui Thi Quyen¹, Do Thi Lan Anh², Vu Van Quang^{2,3*}

¹*Hai Phong Pediatric Hospital-Viet Duc Street, Kien An Ward, Hai Phong City, Vietnam*

²*Faculty of Nursing, Hai Phong University of Medicine and Pharmacy-No. 72A Nguyen Binh Khiem, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam*

³*Department of Pediatrics, Faculty of Medicine, Hai Phong University of Medicine and Pharmacy-No. 72A Nguyen Binh Khiem, Gia Vien Ward, Hai Phong City, Vietnam*

Received: 20/03/2026

Revised: 03/4/2026; Accepted: 15/06/2026

ABSTRACT

Objective: To assess nurses' knowledge of standard precautions at Hai Phong Pediatric Hospital in 2026 and identify associated factors.

Methods: A cross-sectional study was conducted among 242 nurses from January to May 2026. Data were collected using a structured self-administered questionnaire including 74 knowledge items. Adequate knowledge was defined as achieving $\geq 75\%$ of the total score. Data were analyzed using descriptive statistics, Chi-square/Fisher's exact tests, and multivariable logistic regression.

Results: The mean knowledge score was 60.61 ± 6.48 (out of 74), with 77.7% of nurses having adequate knowledge. Higher scores were observed in respiratory hygiene, safe injection, and sharps injury prevention, while lower scores were found in general knowledge and personal protective equipment. Multivariable analysis showed that nurses trained according to Decision No. 3671/QĐ-BYT were more likely to have adequate knowledge (aOR = 5.67; 95% CI: 2.87–11.20; $p < 0.001$).

Conclusion: Nurses' knowledge of standard precautions was relatively good but gaps remained in key domains. Training based on Ministry of Health guidelines was independently associated with adequate knowledge. Strengthening regular training programs, especially in weaker areas, is recommended.

Keywords: standard precautions, knowledge, nurses, infection control.

*Corresponding author

Email: vvquang@hpmu.edu.vn Phone: (+84) 943358797 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD7.5635

Kiến thức về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên và một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Nhi Hải Phòng năm 2026

Nguyễn Thị Ánh Tuyết¹, Phạm Thị Thu², Chu Thị Hà³, Bùi Thị Quyên¹, Đỗ Thị Lan Anh², Vũ Văn Quang^{2,3*}

¹Bệnh viện Nhi Hải Phòng-Phố Việt Đức, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

²Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng-Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

³Bộ môn Nhi, Khoa Y, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng-Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày nhận bài: 20/03/2026

Ngày chỉnh sửa: 03/4/2026; Ngày duyệt đăng: 15/06/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên tại Bệnh viện Nhi Hải Phòng năm 2026 và xác định một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 242 điều dưỡng viên từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2026. Số liệu thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền gồm 74 câu đánh giá kiến thức phòng ngừa chuẩn. Kiến thức đạt được xác định khi tổng điểm $\geq 75\%$. Phân tích bằng thống kê mô tả, kiểm định Chi-square/Fisher và hồi quy logistic đa biến.

Kết quả: Điểm kiến thức trung bình là $60,61 \pm 6,48/74$; 77,7% điều dưỡng viên đạt kiến thức. Kiến thức cao ở các nội dung vệ sinh hô hấp, tiêm an toàn và phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn; thấp hơn ở kiến thức chung và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân. Điều dưỡng được tập huấn theo Quyết định 3671/QĐ-BYT có khả năng đạt kiến thức cao hơn (aOR = 5,67; KTC 95%: 2,87–11,20; $p < 0,001$).

Kết luận: Kiến thức về phòng ngừa chuẩn ở mức tương đối tốt nhưng còn khoảng trống ở một số nội dung. Cần tăng cường đào tạo định kỳ, tập trung vào các nội dung còn hạn chế.

Từ khóa: phòng ngừa chuẩn, kiến thức, điều dưỡng, kiểm soát nhiễm khuẩn.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế (healthcare-associated infections – HAIs) là một trong những thách thức lớn đối với hệ thống y tế toàn cầu, làm gia tăng tỷ lệ mắc bệnh, tử vong, kéo dài thời gian nằm viện và chi phí điều trị. Nhiều bằng chứng cho thấy các biện pháp phòng ngừa chuẩn (standard precautions – SPs), đặc biệt là vệ sinh tay, sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân và thực hành tiêm an toàn, đóng vai trò then chốt trong kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện [1,2]. Các nghiên cứu đã khẳng định vệ sinh tay là biện pháp hiệu quả nhất giúp giảm lây truyền vi sinh vật trong môi trường bệnh viện [1,2].

Việc tuân thủ các biện pháp phòng ngừa chuẩn phụ thuộc đáng kể vào kiến thức của nhân viên y tế, đặc biệt là điều dưỡng viên – lực lượng trực tiếp chăm sóc người bệnh. Nhiều nghiên cứu quốc tế cho thấy kiến thức về kiểm soát nhiễm khuẩn vẫn chưa đồng đều, đặc biệt trong các nội dung như sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân và xử lý chất thải y tế [3–5]. Nghiên cứu tại Nigeria và trong bối cảnh đại dịch COVID-19 cho thấy sự khác biệt đáng kể về kiến thức và thực hành giữa các nhóm nhân viên y tế, đồng thời nhấn mạnh vai trò của đào tạo liên tục [3,4]. Bên cạnh đó, việc tuân thủ phòng ngừa chuẩn có liên quan chặt chẽ đến mức độ hiểu biết và nhận thức của nhân viên y tế [5].

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu gần đây ghi nhận kiến thức về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên còn tồn tại hạn chế. Khảo sát tại Bệnh viện Đại học Y Dược Huế cho thấy tỷ lệ đạt kiến thức và thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn chưa cao [6]. Các nghiên cứu tại Nghệ An, Bệnh viện Mắt Trung ương và Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương cũng ghi nhận sự không đồng đều về kiến thức giữa các nhóm nhân viên y tế và chịu ảnh hưởng bởi trình độ chuyên môn, đào tạo và kinh nghiệm công tác [7–9]. Ngoài ra, trong bối cảnh dịch COVID-19, việc nâng cao kiến thức và thực hành phòng ngừa lây truyền của nhân viên y tế càng trở nên cấp thiết [10].

Bệnh viện Nhi Hải Phòng là cơ sở khám chữa bệnh chuyên khoa nhi với số lượng bệnh nhi lớn, nguy cơ lây nhiễm chéo cao, đòi hỏi việc tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp phòng ngừa chuẩn. Tuy nhiên, hiện chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá hệ thống về kiến thức phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên tại bệnh viện này. Do đó, việc đánh giá thực trạng và xác định các yếu tố liên quan là cần thiết nhằm cung cấp bằng chứng khoa học cho việc xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc và đảm bảo an toàn người bệnh.

*Tác giả liên hệ

Email: vvquang@hpmu.edu.vn Điện thoại: (+84) 943358797 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD7.5635

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu:

- (1) Mô tả thực trạng kiến thức về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên tại Bệnh viện Nhi Hải Phòng năm 2026;
- (2) Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng kiến thức về phòng ngừa chuẩn và xác định một số yếu tố liên quan của điều dưỡng viên.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm: Bệnh viện Nhi Hải Phòng. Thời gian: Từ tháng 01/2026 đến tháng 5/2026.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

2.3.1. Tiêu chuẩn lựa chọn

Điều dưỡng viên đang làm việc tại các khoa lâm sàng, cận lâm sàng của Bệnh viện Nhi Hải Phòng trong thời gian nghiên cứu và đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.3.2. Tiêu chuẩn loại trừ

Điều dưỡng viên vắng mặt trong thời gian thu thập số liệu
Phiếu khảo sát không hoàn thành hoặc thiếu thông tin quan trọng

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

2.4.1. Cỡ mẫu

Cỡ mẫu được xác định theo công thức ước tính một tỷ lệ trong nghiên cứu cắt ngang:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \times p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ với độ tin cậy 95%

$p=0,78$ (tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức đạt theo nghiên cứu trước [8]); $d=0,06$

Tính được cỡ mẫu tối thiểu là 184. Tuy nhiên, nghiên cứu tiến hành chọn toàn bộ các điều dưỡng đủ tiêu chuẩn, thu được 242 đối tượng hợp lệ.

2.5. Biến số và chỉ số nghiên cứu

2.5.1. Biến phụ thuộc

Kiến thức về phòng ngừa chuẩn

Được đánh giá bằng 74 câu hỏi; Mỗi câu đúng: 1 điểm; sai/không biết: 0 điểm; Tổng điểm: 0–74. Phân loại: Kiến thức đạt được xác định khi đạt $\geq 75\%$ tổng số điểm ($\geq 56/74$ điểm), dựa trên tiêu chuẩn modified Bloom's cutoff thường được sử dụng trong các nghiên cứu kiến thức – thái độ – thực hành (KAP).

2.5.2. Biến độc lập

Đặc điểm cá nhân: tuổi, giới tính; Đặc điểm nghề nghiệp: trình độ chuyên môn, thâm niên công tác, số người bệnh chăm sóc/ngày; Yếu tố công việc: tình trạng stress; Đào tạo và tiếp cận thông tin: Đã tham gia tập huấn PNC; đã nhận tài liệu PNC; tập huấn theo Quyết định 3671/QĐ-BYT.

2.6. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền có cấu trúc, gồm 2 phần: Phần A: Thông tin chung (11 câu); Phần B: Kiến thức về phòng ngừa chuẩn (74 câu), bao gồm: Kiến thức chung; Vệ sinh tay; Phương tiện phòng hộ cá nhân; Tiêm an toàn và phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn

Vệ sinh hô hấp và sắp xếp người bệnh; Xử lý dụng cụ và đồ vải; Vệ sinh môi trường và quản lý chất thải y tế. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên hướng dẫn phòng ngừa chuẩn của Bộ Y tế và các nghiên cứu trước đây. Giá trị nội dung của bộ công cụ được đánh giá bởi 03 chuyên gia trong lĩnh vực kiểm soát nhiễm khuẩn và điều dưỡng. Bộ câu hỏi được khảo sát thử trên 20 điều dưỡng viên nhằm đánh giá tính rõ ràng, dễ hiểu và tính phù hợp trước khi triển khai chính thức. Sau khảo sát thử, một số thuật ngữ được hiệu chỉnh để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Độ tin cậy nội tại của thang đo kiến thức được đánh giá bằng hệ số Cronbach's alpha đạt 0,82.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 21.0. Thống kê mô tả: Tần số, tỷ lệ (%), trung bình $\pm$ độ lệch chuẩn; Phân tích mối liên quan: Kiểm định Chi-square hoặc Fisher's exact test; Phân tích đa biến: Hồi quy logistic để xác định các yếu tố liên quan đến kiến thức đạt; Trình bày kết quả bằng odds ratio hiệu chỉnh (aOR) và khoảng tin cậy 95% (95% CI). Ngưỡng ý nghĩa thống kê: $p < 0,05$. Các biến có $p < 0,20$ trong phân tích đơn biến và các biến có ý nghĩa lý thuyết theo y văn được đưa vào mô hình hồi quy logistic đa biến. Hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập được kiểm tra bằng hệ số phóng đại phương sai (Variance Inflation Factor – VIF) trước khi thực hiện hồi quy logistic đa biến. Kết quả cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến đáng kể giữa các biến trong mô hình (tất cả VIF < 5).

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được sự chấp thuận của Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và Ban Giám đốc Bệnh viện Nhi Hải Phòng. Tất cả đối tượng tham gia nghiên cứu đều được giải thích mục tiêu nghiên cứu và ký cam kết đồng ý tham gia. Thông tin cá nhân được mã hóa và bảo mật, chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 242)

Đặc điểm	n	%
Giới tính		
Nam	21	8,7
Nữ	221	91,3
Nhóm tuổi (năm)		
<30	11	4,5
30–39	159	65,7
40–49	61	25,2
≥ 50	11	4,5

Đặc điểm	n	%
Trình độ chuyên môn		
Sau đại học	0	0
Đại học	35	14,5
Cao đẳng	205	84,7
Trung học	2	0,8
Thâm niên công tác (năm)		
≤5	14	5,8
6–10	45	18,6
11–15	118	48,8
>15	65	26,9
Áp lực công việc (stress)		
Có	62	25,6
Không	180	74,4
Đã tập huấn PNC	202	83,5
Đã nhận tài liệu PNC	209	86,4
Tập huấn theo QĐ 3671/QĐ-BYT	159	65,7

Nhận xét: Đối tượng nghiên cứu chủ yếu là nữ, tập trung ở nhóm tuổi 30–39 và có trình độ cao đẳng. Phần lớn điều dưỡng đã được tập huấn và tiếp cận tài liệu phòng ngừa chuẩn, tuy nhiên tỷ lệ được tập huấn theo đúng hướng dẫn Bộ Y tế còn chưa cao.

Bảng 2. Điểm và phân loại kiến thức về phòng ngừa chuẩn

Chỉ số	Giá trị
Điểm trung bình ($\pm$ SD)	60,61 $\pm$ 6,48
Trung vị (IQR)	62 (56–66)
Min–Max	35 – 70
Tỷ lệ đạt ($\geq 75\%$)	188 (77,7%)
Tỷ lệ chưa đạt	54 (22,3%)

Nhận xét: Điểm kiến thức trung bình của điều dưỡng viên ở mức khá, với đa số đạt tiêu chuẩn nghiên cứu. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ đáng kể điều dưỡng có kiến thức chưa đạt.

Bảng 3. Điểm kiến thức theo từng cấu phần phòng ngừa chuẩn

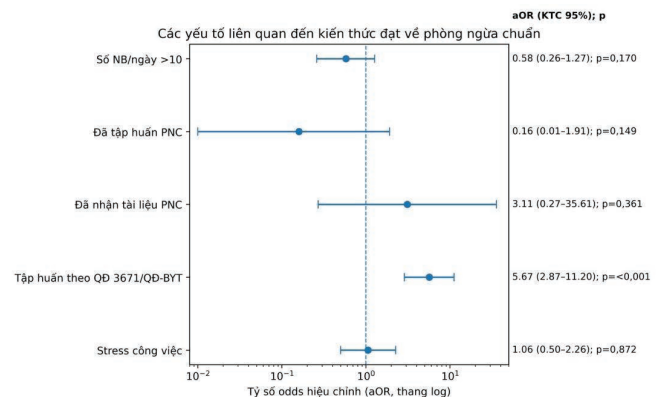
Cấu phần	Số câu	Điểm TB	% TB	Đạt $\geq 75\%$ (%)
Kiến thức chung	5	3,33	66,6	45,9
Vệ sinh tay	15	12,19	81,2	74,4
Phương tiện phòng hộ cá nhân	20	14,95	74,8	59,1
Tiêm an toàn & VSN	8	7,29	91,1	91,3
Vệ sinh hô hấp & sắp xếp NB	9	8,61	95,6	98,8
Xử lý dụng cụ & đồ vải	9	7,67	85,2	84,3
Vệ sinh môi trường & chất thải	8	6,58	82,3	84,7

Nhận xét: Kiến thức về phòng ngừa chuẩn không đồng đều giữa các cấu phần, cao nhất ở vệ sinh hô hấp và tiêm an toàn, thấp hơn ở kiến thức chung và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.

Bảng 4. Hồi quy logistic đa biến các yếu tố liên quan đến kiến thức đạt

Yếu tố	aOR	KTC 95%	p
Số NB/ngày >10	0,58	0,26 – 1,27	0,170
Đã tập huấn PNC	0,16	0,01 – 1,91	0,149
Đã nhận tài liệu PNC	3,11	0,27 – 35,61	0,361
Tập huấn theo QĐ 3671/QĐ-BYT	5,67	2,87 – 11,20	<0,001
Stress công việc	1,06	0,50 – 2,26	0,872

Nhận xét: Tập huấn theo Quyết định 3671/QĐ-BYT là yếu tố liên quan độc lập với kiến thức đạt, trong khi các yếu tố khác chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê.



Hình 1. Các yếu tố liên quan đến kiến thức đạt về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên.

Nhận xét: Điều dưỡng được tập huấn theo Quyết định 3671/QĐ-BYT có khả năng đạt kiến thức cao hơn rõ rệt so với nhóm chưa được tập huấn (aOR = 5,67; KTC 95%: 2,87–11,20).

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm kiến thức trung bình về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên đạt 60,61 $\pm$ 6,48/74, với tỷ lệ đạt là 77,7%. Kết quả này cho thấy kiến thức của điều dưỡng viên tại Bệnh viện Nhi Hải Phòng ở mức tương đối tốt, phù hợp với xu hướng chung ghi nhận trong các nghiên cứu gần đây tại Việt Nam. Nghiên cứu của Phạm Thị Kiều Trang và cộng sự tại Bệnh viện Mắt Trung ương năm 2024 cũng ghi nhận tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức đạt ở mức khá, tuy nhiên vẫn tồn tại những khoảng trống trong một số nội dung chuyên sâu [8]. Tương tự, nghiên cứu của Phạm Thị Giang và cộng sự tại Nghệ An cho thấy kiến thức phòng ngừa chuẩn giữa các nhóm nhân viên y tế không đồng đều và chịu ảnh hưởng bởi đào tạo và kinh nghiệm [7]. Điều này cho thấy dù kiến thức chung đã được cải thiện, nhưng vẫn cần các can thiệp có trọng tâm.

Một phát hiện đáng chú ý của nghiên cứu là kiến thức giữa các cấu phần phòng ngừa chuẩn không đồng đều. Tỷ lệ đạt ở kiến thức chung (45,9%) và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân (59,1%) thấp hơn rõ rệt so với vệ sinh

hồ hấp và tiêm an toàn. Kết quả này tương đồng với nhiều nghiên cứu quốc tế, trong đó kiến thức về các biện pháp cụ thể thường cao hơn so với kiến thức nền tảng hoặc các nội dung mang tính hệ thống [3,4]. Nghiên cứu của Ojha và cộng sự trong bối cảnh COVID-19 cũng ghi nhận nhân viên y tế có hiểu biết khá tốt về các biện pháp phòng hộ cụ thể, nhưng vẫn còn hạn chế trong việc sử dụng đúng phương tiện phòng hộ cá nhân [4]. Điều này cho thấy điều dưỡng viên có xu hướng nắm tốt hơn các nội dung được giám sát thường xuyên trong thực hành lâm sàng hằng ngày như vệ sinh tay và tiêm an toàn, trong khi các nguyên tắc nền tảng và chỉ định sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân chưa được nhấn mạnh đầy đủ trong đào tạo và giám sát. Vì vậy, các chương trình đào tạo trong thời gian tới cần tập trung nhiều hơn vào lựa chọn, sử dụng đúng phương tiện phòng hộ cá nhân và củng cố các nguyên tắc cơ bản của phòng ngừa chuẩn.

Một trong những phát hiện quan trọng của nghiên cứu là vai trò của đào tạo trong việc nâng cao kiến thức. Kết quả hồi quy logistic đa biến cho thấy điều dưỡng viên được tập huấn theo Quyết định 3671/QĐ-BYT có khả năng đạt kiến thức cao hơn 5,67 lần so với nhóm chưa được tập huấn ($p < 0,001$). Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây, trong đó đào tạo và cập nhật kiến thức được xác định là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến kiến thức và tuân thủ phòng ngừa chuẩn [5]. Nghiên cứu của Al-Faouri và cộng sự cho thấy điều dưỡng được đào tạo thường xuyên có mức độ hiểu biết và tuân thủ cao hơn đáng kể so với nhóm chưa được đào tạo [5]. Tương tự, các nghiên cứu trong nước cũng khẳng định vai trò của đào tạo liên tục trong cải thiện kiến thức và thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn [6,7].

Mặc dù phần lớn điều dưỡng viên đã từng tham gia tập huấn và nhận tài liệu về phòng ngừa chuẩn, nhưng chỉ có 65,7% được đào tạo theo đúng nội dung quy định của Bộ Y tế. Điều này cho thấy vẫn còn khoảng trống trong việc chuẩn hóa nội dung đào tạo, có thể ảnh hưởng đến tính thống nhất và hiệu quả của chương trình đào tạo. Các nghiên cứu quốc tế cũng nhấn mạnh rằng không chỉ số lượng mà chất lượng và tính chuẩn hóa của đào tạo mới là yếu tố quyết định hiệu quả trong cải thiện kiến thức và hành vi của nhân viên y tế [3,5].

Một điểm đáng lưu ý là các yếu tố cá nhân như tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn và thâm niên công tác không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kiến thức đạt. Kết quả này phù hợp với một số nghiên cứu trước đây cho thấy kiến thức về phòng ngừa chuẩn phụ thuộc nhiều hơn vào việc được đào tạo và cập nhật kiến thức hơn là các đặc điểm cá nhân [5,10]. Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác lại ghi nhận mối liên quan giữa trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm công tác với kiến thức [7,9]. Sự khác biệt này có thể do khác biệt về đối tượng nghiên cứu, môi trường làm việc hoặc phương pháp đánh giá.

Từ góc độ thực hành, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh rằng mặc dù kiến thức chung của điều dưỡng viên ở mức khá, nhưng vẫn tồn tại những khoảng trống quan trọng, đặc biệt ở các nội dung nền tảng và phương tiện phòng hộ cá nhân. Đây là những nội dung có vai trò quan trọng trong phòng ngừa lây nhiễm chéo, đặc biệt trong bối cảnh bệnh viện nhi với nguy cơ lây nhiễm cao. Các bằng chứng đã khẳng

định rằng việc tuân thủ đúng các biện pháp phòng ngừa chuẩn, đặc biệt là vệ sinh tay, có thể làm giảm đáng kể tỷ lệ nhiễm khuẩn bệnh viện [1,2]. Do đó, việc nâng cao kiến thức không chỉ có ý nghĩa về mặt lý thuyết mà còn tác động trực tiếp đến chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh.

Nghiên cứu có một số hạn chế. Thứ nhất, thiết kế cắt ngang không cho phép xác định mối quan hệ nhân quả. Thứ hai, việc sử dụng bộ câu hỏi tự điền có thể dẫn đến sai số thông tin do người trả lời có xu hướng lựa chọn đáp án xã hội mong đợi. Ngoài ra, nghiên cứu chỉ thực hiện tại một bệnh viện nên khả năng khái quát hóa còn hạn chế.

Tuy nhiên, nghiên cứu cung cấp bằng chứng quan trọng về thực trạng kiến thức phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên tại một bệnh viện chuyên khoa nhi lớn, đồng thời xác định rõ vai trò của đào tạo theo hướng dẫn Bộ Y tế. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các chương trình đào tạo chuẩn hóa, liên tục và có trọng tâm, góp phần nâng cao chất lượng kiểm soát nhiễm khuẩn và đảm bảo an toàn người bệnh.

5. KẾT LUẬN

Kiến thức về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên tại Bệnh viện Nhi Hải Phòng năm 2026 ở mức tương đối tốt, với điểm trung bình $60,61 \pm 6,48/74$ và 77,7% đạt tiêu chuẩn nghiên cứu. Tuy nhiên, kiến thức không đồng đều giữa các cấu phần, trong đó thấp hơn ở kiến thức chung và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.

Phân tích đa biến cho thấy điều dưỡng viên được tập huấn theo Quyết định 3671/QĐ-BYT có khả năng đạt kiến thức cao hơn đáng kể so với nhóm chưa được tập huấn. Các yếu tố cá nhân và đặc điểm nghề nghiệp chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kiến thức đạt.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Allegranzi B, Pittet D. Role of hand hygiene in healthcare-associated infection prevention. *J Hosp Infect* 2009;73:305–15. <https://doi.org/10.1016/j.jhin.2009.04.019>.
- [2] Kampf G, Löffler H, Gastmeier P. Hand hygiene for the prevention of nosocomial infections. *Dtsch Arzteblatt Int* 2009;106:649–55. <https://doi.org/10.3238/arztebl.2009.0649>.
- [3] Adegboye MB, Zakari S, Ahmed BA, Olufemi GH. Knowledge, awareness and practice of infection control by health care workers in the intensive care units of a tertiary hospital in Nigeria. *Afr Health Sci* 2018;18:72–8. <https://doi.org/10.4314/ahs.v18i1.11>.
- [4] Ojha S, Debnath M, Sharma D, Niraula A. Knowledge of Handling the Personal Protective Equipment by Frontline Allied Health Professionals in COVID-19 Outbreak—A Web-Based Survey Study. *J Radiol Nurs* 2021;40:167–71. <https://doi.org/10.1016/j.jradnu.2020.12.012>.
- [5] Al-Faouri I, Okour SH, Alakour NA, Alrabadi N. Knowledge and compliance with standard precautions among registered nurses: A cross-sectional study. *Ann Med Surg* 2021;62:419–24. <https://doi.org/10.1016/j.amsu.2021.01.058>.

- [6] Trần Đình Bình, Hoàng Thị Liên, Nguyễn Viết Tứ. Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn của nhân viên y tế và sinh viên tại Phòng khám Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Đại học Y - Dược Huế. *Tạp Chí Dược Học Đại Học Dược Huế* 2021. <https://doi.org/10.34071/jmp.2021.2.15>.
- [7] Phạm Thị Giang, Mai Thị Lan Anh, Lê Thị Nhan. Thực trạng kiến thức phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật viên tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa tỉnh Nghệ An năm 2024. *Tạp Chí Khoa Học Điều Dưỡng* 2024;7:115–24. <https://doi.org/10.54436/jns.2024.05.872>.
- [8] Trang PTK, Hà HTT, Hòa DT. Kiến thức, thực hành về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng viên tại Bệnh viện Mắt Trung ương năm 2024. *Tạp Chí Học Cộng Đồng* 2025;66. <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i1.1910>.
- [9] Đoàn Thị Mền, Lê Thị Bình. Kiến thức, thực hành về phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương năm 2023. *Tạp Chí Học Việt Nam* 2023;533:333–8. <https://doi.org/10.51298/vmj.v533i1B.7879>.
- [10] Nguyễn Thu Hà, Lã Ngọc Quang, Giang Hán Minh, Phạm Bá Hiền. Kiến thức, thái độ, thực hành của nhân viên y tế về phòng ngừa lây truyền COVID-19 và một số yếu tố liên quan với thực hành phòng ngừa lây truyền tại Trung tâm Y tế huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, năm 2022. *Tạp Chí Nghiên Cứu Học* 2022;160:295–304. <https://doi.org/10.52852/tcncyh.v160i12V1.1153>.

